

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Cư
- Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); địa chỉ: B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật T - Giám đốc A Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi; địa chỉ: A Đ, Tổ dân phố F, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Bạch Hoàng H, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bạch Văn B1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông H, bà B và ông B1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2024, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Theo giấy phươg án vốn ngày 10/12/2020 của bà Nguyễn Thị B, ngày 10/12/2020 Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi và bà Nguyễn Thị B ký kết Hợp đồng vay vốn số: 4508-LAV-202003278, cụ thể:

- Số tiền cho vay: 126.000.000đồng;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày 10/12/2020 đến ngày 10/12/2023;
- Mục đích vay vốn: Mua bò giống;
- Phương thức trả nợ gốc: Bên vay trả nợ gốc vào các ngày cụ thể như sau: Ngày 10/12/2021 trả 6.000.000đồng; ngày 10/12/2022 trả 10.000.000đồng; ngày 10/12/2023 trả 110.000.000đồng.
- Phương thức trả lãi: 03 tháng/lần;
- Lãi suất cho vay là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 08%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ, không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị B không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và lãi vay. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc bà B thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà B vẫn không thực hiện. Ngày 10/6/2021 khoản vay của bà B đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 15/5/2024, bà Nguyễn Thị B còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi tổng số tiền là: 174.157.038đồng, trong đó: Nợ gốc là 126.000.000đồng; nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 48.157.038đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/05/2024 là 174.157.038đồng, trong đó: Nợ gốc là: 126.000.000 đồng; nợ lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả) là: 48.157.038 đồng.
- Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Bạch Hoàng H tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020 cho đến khi bà Nguyễn Thị B và ông Bạch Hoàng H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tại đơn trình bày ngày 27/8/2024, nguyên đơn cho rằng: Năm 2017 ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 có giấy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B đại diện xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại A; đồng thời, cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm chung theo quy định của pháp luật về các cam kết do bà B thực hiện trong phạm vi ủy quyền. Giấy ủy quyền có giá trị 10

năm kể từ ngày ký hoặc cho đến khi có văn bản khác thay thế. Như vậy, khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020 do bà Nguyễn Thị B ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Bạch Văn B1 nên ông B1 phải có nghĩa vụ cùng với ông H, bà B trả khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020 cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/8/2024 là 179.962.039đồng, trong đó: Nợ gốc là: 126.000.000 đồng; nợ lãi là: 53.962.039 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020.

- Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bạch Hoàng H, bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Văn B1, nhưng ông H, bà B và ông B1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) là 181.961.470đồng, trong đó: Nợ gốc là 126.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 46.504.356đồng; nợ lãi quá hạn là 6.499.558đồng; nợ lãi chậm trả là 2.957.556đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Bạch Hoàng H, bà Nguyễn Thị B trả nợ vay của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi thì ông Bạch Hoàng H, bà Nguyễn Thị B cư trú tại thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Khi Ngân hàng N khởi kiện thì ông H, bà B không có mặt tại địa chỉ nêu trên nhưng ông H, bà B cũng không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ mới của mình. Việc ông H, bà B thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bên có quyền biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Bị đơn ông Bạch Hoàng H, bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ ba; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Văn B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, biết Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng bà B, ông H và ông B1 không có ý kiến phản đối và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà B, ông H và ông B1 phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi với bà Nguyễn Thị B có căn cứ xác định: Ngày 10/12/2020 bà Nguyễn Thị B có ký Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 để vay của Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi số tiền 126.000.000đồng; mục đích vay vốn là để mua bò giống; lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị B nhận đủ số tiền vay 126.000.000đồng vào ngày 10/12/2020.

[2.3] Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020 được ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi với bà Nguyễn Thị B. Tuy nhiên, năm 2017 ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1, là các thành viên trong hộ gia đình ông Bạch Văn B1 ký giấy ủy quyền đồng ý để bà Nguyễn Thị

B đại diện thay mặt ông H và ông B1 xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại A bao gồm và không giới hạn như sau: Lập, ký và cung cấp phương án vay vốn, hồ sơ tài liệu theo yêu cầu của A liên quan đến phương án vay vốn, thương thảo và ký Hợp đồng tín dụng/sổ vay vốn;... giấy ủy quyền này có giá trị 10 năm kể từ ngày ký hoặc cho đến khi có văn bản khác thay thế. Ông H và ông B1 cam kết chịu trách nhiệm chung theo quy định của pháp luật về các cam kết do bà B thực hiện trong phạm vi ủy quyền. Do đó, bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020.

[2.4] Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi.

[2.5] Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có căn cứ xác định: Từ khi vay tiền đến nay, bà B, ông H và ông B1 chưa trả tiền gốc cho Ngân hàng và chỉ mới trả được 3.298.438 đồng tiền lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) thì bà B, ông H và ông B1 còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là 181.961.470 đồng, trong đó: Nợ gốc là 126.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 46.504.356 đồng; nợ lãi quá hạn là 6.499.558 đồng; nợ lãi chậm trả là 2.957.556 đồng. Do đó, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà B, ông H và ông B1 phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: $181.961.470 \text{ đồng} \times 5\% = 9.098.000 \text{ đồng}$.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.354.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; các điều 103, 288, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) là 181.961.470 đồng (một trăm tám mươi một triệu chín trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 126.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn là 46.504.356 đồng;
- Nợ lãi quá hạn là 6.499.558 đồng;
- Nợ lãi chậm trả là 2.957.556 đồng.

2. Kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202003278 ngày 10/12/2020.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B, ông Bạch Hoàng H và ông Bạch Văn B1 phải chịu 9.098.000 đồng (chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.354.000 đồng (bốn triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002621 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong

